

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 – 2026**  
**KHỐI: MẪU GIÁO 3 - 4 TUỔI**

STT	Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học
<b>I. Lĩnh vực phát triển thể chất</b>		
<b>1. Phát triển vận động:</b>		
MT 1	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp - Tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần. (QTE)
MT 2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động (2.1 T 55)	Đi <b>hết đoạn</b> đường hẹp ( 3m x 0.2m ) Đi kiềng gót liên tục 3m.
MT 3	Trẻ kiểm soát được vận động đi, chạy (2.2 T 55)	Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh Chạy liên tục trong đường đích dắc ( 3 - 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài
MT 4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp ( 2.4 T 56)	Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng Ném trúng đích nằm ngang ( xa 1,5m) Bò trong đường hẹp ( 3m x 0.4m) không chệch ra ngoài. - Bật nhảy qua các vòng; bật qua vật cản; bật từ trên cao xuống,... - <b>Thực hiện phối hợp các vận động: đi lên - xuống trên mặt phẳng nghiêng, vượt qua chướng ngại vật; leo, trèo, di chuyển trên các mô hình vận động có sự hỗ trợ khi cần thiết</b> <b>**</b>
MT 5	Trẻ <b>có kỹ năng</b> phối hợp được tay, mắt trong vận động tung, ném, chuyền, đập - bắt (2.3 T 56)	Tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần không rơi bóng,( khoảng cách 2,5m) Tự đập bắt bóng được 3 lần liền ( đường kính bóng 18 cm)
MT 6	Trẻ biết thực hiện được các vận động: Xoay tròn cổ tay, gập đan ngón tay vào nhau ( Mục 3.1 T 56)	Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. Xé dán giấy, sử dụng kéo, bút, tô vẽ nguệch ngoạc

MT 7	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động ( 3.3T57)	-Vẽ được các hình tròn theo mẫu, Cắt <b>thăng</b> được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng <b>8 - 10</b> gói không đổ. - Tự cài, cởi cúc. <b>- Kỹ năng tự phục vụ, tự chăm sóc bản thân (gấp quần áo, chuẩn bị đồ dùng cá nhân khi đến lớp, tự sắp xếp bàn ăn...)</b>
MT 8	Trẻ được làm quen các động tác thể dục nhịp điệu đơn giản theo nhạc ( Aeorobic)	- Trẻ tập luyện cách hít thở và các động tác thăng bằng tĩnh. Các động tác tay, vai, vặn mình, lưng bụng, toàn thân, điều hoà, các động tác phát triển tổ chất trên toàn cơ thể. -Trẻ tôn trọng nhu cầu, khả năng sở thích đối với các hoạt động vận động của bản thân và của người khác. ( <b>QTE</b> )
MT 9	Trẻ thực hiện được các bài tập ép dẻo cơ bản ( Aeorobic). Nghe và bắt được nhịp nhạc, kết hợp tự biểu diễn theo nhạc trước tập thể phù hợp với độ tuổi	Xoạc chân ngang, đá chân trước sau, dẻo vai, dẻo hông, dẻo lườn, dẻo lưng. Tự biểu diễn theo nhạc trước tập thể phù hợp với độ tuổi ( <b>QTE</b> )
<b>2. Dinh dưỡng và sức khỏe</b>		
MT 10	Trẻ sử dụng được chén, muỗng, ca đúng cách ( 2.2 T 58)	Trẻ biết sử dụng chén, muỗng khi ăn cơm, <b>cầm muỗng xúc ăn</b> , cầm ca uống nước, uống sữa
MT 11	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn ( Mục 2.1 T 58)	Thể hiện lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh Làm quen cách đánh răng, lau mặt, súc miệng, Tập rửa tay bằng xà phòng.. Tháo tất, cởi quần áo, đeo - mở khẩu trang -Thực hành thói quen tốt liên quan đến an toàn cho bản thân và người khác.( ( <b>QTE</b> )
MT 12	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau( Mục 1.3 T 58)	Ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất. Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật( ỉa chảy, sâu răng, SDD, béo phì) <b>- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau Các nhóm thực phẩm chính: nhóm tinh bột (cơm, bánh mì, mì), nhóm đạm (thịt, cá, trứng, tôm...), nhóm rau củ quả, nhóm sữa và chế phẩm từ sữa*</b>
MT 13	Trẻ nói được một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...( 1.2 T 57)	Nhận biết các món ăn, một số thực phẩm quen thuộc hàng ngày: <b>canh rau, cá kho, thịt kho, trứng chiên...</b> <b>- Không ăn đồ sống: thịt sống, cá sống, rau chưa rửa sạch...</b> <b>- Không ăn thức ăn ôi thiu, mùi lạ, màu sắc bất thường.</b> <b>- Thức ăn phải được nấu chín, để trong bát đĩa sạch, có đậy đậy</b>

MT 14	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống, khi được nhắc nhở. ( Mục 3.1 T 58)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hành vi tốt trong ăn uống (mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn)</li> <li>- Rửa tay trước khi ăn.</li> <li>- Ngồi ngay ngắn khi ăn, không vừa ăn vừa chạy nhảy.</li> <li>- Không tự ý lấy thức ăn lạ từ người khác.</li> <li>- Trẻ học cách ăn uống lành mạnh và quy tắc, hành vi lịch sự khi ăn uống (QTE)</li> <li>- Thực hiện ăn uống đầy đủ và lành mạnh ( biết tránh đồ ăn gây dị ứng cho bản thân)**</li> </ul>
MT 15	Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh ( thịt, cá, trứng, sữa, rau) ( Mục 1.1 T 57)	Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc khi nhìn vật thật, tranh ảnh ( thịt, cá, trứng, sữa , rau...) ích lợi của chúng đối với sức khỏe. Không ăn đồ ôi thiu, hư, thối,
MT 16	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở ( Mục 3.2 T 59)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường. Nói được rửa tay sau khi đi vệ sinh. Nhận biết biểu hiện khi ốm. Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất</li> <li> khi trời lạnh ,đi dép, giày khi đi học</li> <li>- Biết đeo khẩu trang khi đi ra khỏi nhà, thường xuyên rửa tay.Ho ngập phải che miệng. Không đưa tay lên mắt, mũi miệng, không dùng chung đồ dùng cá nhân: Khăn, ca, gói,</li> <li>- Không khạc nhổ bừa bãi, bỏ rác đúng nơi quy định.</li> <li>-Thực hành thói quen tốt liên quan đến an toàn cho bản thân và người khác. (QTE)</li> </ul>
MT 17	Trẻ nhận ra và tránh được một số vật dụng nguy hiểm ( bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ); <b>Biết tránh một số hành động nguy hiểm và nhận ra một số trường hợp khẩn cấp để gọi người giúp đỡ..( Mục 4.1; 4.3T 59)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và phòng tránh đồ vật nguy hiểm ( bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng )</li> <li>- Không đến gần những đồ dùng nguy hiểm như ổ điện, bếp điện – bếp ga,..., <b>Không chạm tay vào lửa</b></li> <li>- <b>Biết yêu cầu và gọi người giúp đỡ khi bản thân hoặc bạn bị té, đứt tay, nóng sốt, đau bụng,...</b></li> <li>- Không leo trèo, chơi đồ chơi sắc nhọn.</li> <li>- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.</li> <li>- Không tự lấy thuốc uống</li> <li>- Đi lên xuống cầu thang an toàn</li> <li>- Không trèo lên bàn ghế, lan can</li> </ul>

		- Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường/lớp
MT 18	Biết tránh nơi nguy hiểm ( hồ ,ao, bể chứa nước, giếng nước khi được nhắc nhở( Mục 4.2 T 59)	Nhận biết và phòng tránh nơi nguy hiểm (hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi..) Không chơi và không đến gần ( hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...)
<b>II.Lĩnh vực phát triển nhận thức:</b>		
<b>1. Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán</b>		
MT 19	Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm, hay hỏi về số lượng, đếm vẹt và biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng( Mục 1.1 T 63)	- Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm, hay hỏi về số lượng, - Đếm vẹt biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng
MT 20	Trẻ có kỹ năng đếm: đếm trên các đối tượng giống nhau, đếm đến 5 và đếm theo khả năng. ( 1.2 T 63).	- Trẻ nhận ra số lượng biết một và nhiều. - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5, đếm số lượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng của trẻ.
MT 21	Trẻ có kỹ năng đếm và so sánh được 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. ( 1.3 T 63)	Đếm số lượng trong phạm vi 5; So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ ; bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. Biết được 2 thêm 1 bằng 3.....
MT 22	Trẻ biết gộp và đếm được hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5 ( Mục 1.4 T 64)	Gộp 2 đối tượng và đếm trong phạm vi 5;
	Trẻ tách được một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm ( Mục 1.5 T 64)	Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
MT 23	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại ( Mục 2 T 64) Sắp xếp các thẻ tranh theo màu	Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi Xếp xen kẽ Sắp xếp 6 thẻ tranh theo màu
MT 24	Trẻ nhận ra được, so sánh được 2 đối tượng về kích thước đối tượng và nói được các từ to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau ( Mục 3 T 64)	So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/ nhỏ hơn, dài hơn/ ngắn hơn, cao hơn/ thấp hơn, bằng nhau - Đo bằng đơn vị đo ước lệ**

MT 25	Trẻ gọi tên và nhận dạng các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật ( Mục 4 T 64)	- Trẻ biết gọi tên và nhận ra được các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật và nhận dạng các hình trong thực tế. - Sử dụng các hình học để lắp ghép. <b>- Xác định một số hình phẳng và hình khối đơn giản trong cuộc sống xung quanh**</b>
MT 26	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân ( Mục 5 T65)	Biết phía trên - phía dưới; phía trước - phía sau; tay phải - tay trái của bản thân trẻ
MT 27	Trẻ biết sử dụng và ứng dụng công nghệ toán học qua các bài tập Quizi**	<b>- Sử dụng một số thiết bị công nghệ số an toàn, đúng cách với sự hỗ trợ của người lớn**</b> <b>- Các trò chơi ghép hình theo màu sắc, theo kích thước, xếp tương ứng 1-1; ...</b>

## 2. Khám phá khoa học

MT 28	Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng ( Mục 1.2 T 61)	Tên gọi chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể - Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng : nhìn, nghe, ngửi, sờ.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. <b>- Tìm hiểu các bộ phận của cơ thể; biết được đâu là khu vực (vùng riêng tư ) mà không ai được phép xâm phạm**(QTE)</b>
-------	---	--

MT 29	Trẻ thể hiện được một số điều quan sát qua các hoạt động: Chơi đóng vai; Hát các bài hát và vẽ nặn các con vật, cây, đồ dùng...( Mục 3.2 T 63)	Bắt chước một số hành động những người gần gũi: Tích hợp vào trong các hoạt động trong ngày. Thể hiện vai chơi trong t/c đóng vai, trong chủ đề gia đình, trường học, bệnh viện. Mô phỏng vận động/di chuyển/ dáng điệu con vật...
MT 30	Trẻ mô tả được những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo ( Mục 3.1 T 62)	Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc: + Năm tay người lớn khi qua đường. Ngồi trên xe đạp, xe máy an toàn. + Những hậu quả khi không tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.

MT 31	Trẻ nhận ra được một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng quen thuộc khi được hỏi (Mục 2 T 62)	<p>Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiện tượng nắng mưa, nóng lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt hàng ngày của trẻ</li> <li>- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây</li> <li>- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.</li> <li>Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày</li> <li>- Một số dấu hiệu của ngày và đêm</li> <li>- Một vài đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi</li> </ul>
MT 32	Phân loại các đối tượng theo dấu hiệu nổi bật (Mục 1.5 T 62)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại đồ dùng đồ chơi theo một dấu hiệu nổi bật</li> <li>- Phân loại một số PTGT theo một dấu hiệu nổi bật</li> <li>- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo một dấu hiệu nổi bật</li> </ul>
MT 33	Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản: với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm, vật nổi (1.3 T 62)	Tổ chức các hoạt động STEM cho trẻ khám phá thử nghiệm với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng VD : Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi....

MT 34	Trẻ thể hiện sự quan tâm hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát SV, HT, hay đặt câu hỏi về đối tượng (Mục 1.1 T 61)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát SV, HT, Hay quan tâm đến các sự vật hiện tượng gần gũi (Trời mưa, sấm chớp, cầu vồng...)</li> <li>- Quan sát các sự vật hiện tượng hay đặt câu hỏi về đối tượng “Tại sao...?”, “Cái này để làm gì?”, “Nó ở đâu?”...</li> <li>+ Quan sát quá trình phát triển của cây</li> <li>+ Xem bể cá → trẻ nói “cá bơi”, “cá màu vàng”, đặt câu hỏi “Cá ăn gì ạ?”.</li> <li>+ Nghe tiếng mưa → trẻ nhận ra “mưa rơi tí tách”, “mưa làm ướt đất”. Khi nào có mưa?</li> </ul>
MT 35	Trẻ có khả năng thu thập được các thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng (Mục 1.4 T 62)	Tổ chức cho trẻ xem sách, tranh ảnh, video, vật thật, trò chuyện về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo

### 3. Khám phá xã hội

MT36	Trẻ nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi trò chuyện ( Mục 1.4 T 65)	- Tên trường, lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp.Các hoạt động của trẻ ở trường khi được hỏi trò chuyện -Tất cả mọi người đều được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ (QTE)
MT37	Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện ( Mục 1.1 T 65 và 1.1 T69)	- Nói tên tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi trò chuyện - Sự giống nhau và khác nhau giữa mọi người về đặc điểm, hình dáng bên ngoài, sở thích, tính cách. -Tìm hiểu, nhận thức cơ thể mỗi người đều cần được tôn trọng kể cả người khuyết tật.(QTE)
MT38	Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình ; Nói được nhà bé ở đâu ? ( 1.2; 1.3 T 65)	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình. Yêu mến bố mẹ anh chị em ruột. - xem ảnh về gia đình và nói được nhà bé ở đâu khi được hỏi, trò chuyện
MT39	Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh ( Mục 2 T 66)	- Tên gọi tên sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến - Giáo viên tạo ra mqh trong hình mẫu,ví dụ về các mối quan hệ xã hội, ngành nghề của cộng đồng của trẻ ở các vùng văn hóa dân tộc khác nhau ( QTE )
MT40	Trẻ kể được tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu... và trang phục của một số lễ hội qua trò chuyện, tranh ảnh ( Mục 3.1 T 66)	Tên các ngày lễ hội: Ngày hội đến trường, tết trung thu, tết Nguyên Đán, sinh nhật Bác Hồ, ngày tết thiếu nhi,..qua trò chuyện, tranh ảnh. Biết trang phục của một số lễ hội đặc biệt như Hallow. Nói được tên ngày lễ hội

MT41	Kể được tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương ( Mục 3.2 T 66)	Biết nói được tên màu cờ tổ quốc. cảnh đẹp, danh lam thắng cảnh của địa phương la Gi ( Biển đồi dương, biển cảm Bình, công viên thiếu nhi,...) Tên của di tích lịch sử ( Dốc Ông Bằng; dinh Thầy Thiêm )
------	--	--

### III.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

#### 1.Nghe hiểu lời nói

MT42	Trẻ thực hiện được một số yêu cầu đơn giản (Mục 1.1 T 67)	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản; Lấy quả bóng ném vào rổ.... - <b>Hiểu và làm theo yêu cầu về cách chơi, luật chơi.</b> Tham gia vào các hoạt động chơi với bạn, ở nhóm lớp, các hoạt động tập thể,..theo sở thích và nhu cầu <b>(QTE)</b>
MT43	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa quả (1.2 ; 2.2 T 67)	Hiểu các từ chỉ người, chỉ tên gọi đồ vật, sự vật gần gũi quen thuộc như quần áo, đồ chơi, hoa quả, đồ vật, con vật, thực vật,...
MT44	Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại( Mục 1.3 T 67)	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng - Trả lời và đặt các câu hỏi: “ Ai?” “ Cái gì?” “ Ở đâu?” “ Khi nào?” - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao , đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè, phù hợp với độ tuổi - Trẻ sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp bằng lời nói để xây dựng mối quan hệ với giáo viên
MT45	Trẻ nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi trong phạm vi khoảng 35 từ, cụm từ tiếng Anh (TT55/2020/TT-BGDĐT)	- Nghe và làm theo yêu cầu đơn lẻ đơn giản, quen thuộc, khoảng 35 từ, cụm từ; số từ 1 đến 3 - Nghe và trả lời bằng cử chỉ, hành động, 1-2 từ hoặc một số mẫu câu đơn giản, quen thuộc khi chào hỏi, tạm biệt và được hỏi tên bằng tiếng Anh - Nghe, hiểu được các câu hỏi, câu kể, câu cảm thán, câu cầu khiến rất đơn giản phù hợp với lứa tuổi (TT55/2020/TT-BGDĐT)

## 2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày

MT46	Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật hoạt động, đặc điểm; nói được câu đơn, câu ghép (Mục 2.2; 2.3 T 67)	Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân các câu đơn, câu mở rộng. Thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt - Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai?; Cái gì?; ở đâu?; Khi nào?; Để làm gì? -Trẻ được tôn trọng, lắng nghe ngữ điệu riêng; phát âm đặc trưng của trẻ. <b>(QTE)</b>
------	---	--

MT47	Trẻ đọc thuộc được bài thơ, ca dao, đồng dao., tục ngữ, nội dung câu chuyện ( Mục 2.5 T 67) <b>Kể chuyện bằng thơ nhạc, đọc thơ theo tiết tấu **</b>	Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao., tục ngữ, hò, vè hiểu nội dung câu chuyện theo chủ đề phù hợp với lứa tuổi. - <b>Kể chuyện bằng thơ nhạc, đọc thơ theo tiết tấu *</b>
MT48	Trẻ có khả năng kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim..( Mục 2.4 T 67)	Kể lại được những sự việc đơn giản diễn ra của bản thân khi được hỏi, trò chuyện: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim....
MT49	Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn <b>và có khả năng</b> bắt chước được giọng nói của nhân vật trong chuyện ( Mục 2.6; 2.7 T 68)	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Mô tả lại sự vật qua tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. - Bắt chước giọng nói của nhân vật trong câu chuyện có sự giúp đỡ cô giáo - Nghe đọc truyện, thơ để thấy được sự đa dạng và khác biệt ở hình dáng bên ngoài và sở thích của mọi người. <b>(QTE)</b>
MT50	Trẻ nói được rõ các tiếng; nói đủ nghe, không nói lí nhí và nói một số từ tiếng anh đơn giản. ( Mục 2.1; 2.9 T 68)	- Phát âm các tiếng của tiếng việt. - Không la hét nơi đông người, nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp, nói đủ nghe không nói lí nhí - Nói một số từ tiếng anh đã học để giao tiếp.
MT51	Phát âm tương đối rõ ràng các từ tiếng Anh quen thuộc trong phạm vi khoảng 35 từ, cụm từ (TT55/2020/TT-BGDĐT)	Nhắc lại, nói được từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc Trong khoảng 35 từ, cụm từ; hát theo một số bài hát , bài thơ, truyện kể đơn giản bằng tiếng Anh
<b>3. Làm quen với việc đọc, viết</b>		

MT52	Trẻ có khả năng nhìn vào tranh minh họa và gọi được tên nhân vật trong tranh; chỉ vào tranh người, đồ vật, sự vật, hành động,... và nói bằng tiếng Anh ( Mục 3.2 T 68)	- Xem tranh minh họa và gọi được tên nhân vật trong tranh - Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà VS, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ...)
------	--	--

MT53	Biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ được sách xem tranh; cầm sách đúng chiều ( Mục 3.1 T 68)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trẻ: Giữ gìn sách. Cách cầm sách đúng chiều, mở sách đúng cách.</li> <li>- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.</li> <li>- Làm quen: Với cách đọc và viết tiếng Việt và các từ tiếng Anh đơn giản</li> <li>- Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. Hướng viết các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các câu.</li> <li>- Xem sách, trò chuyện; lắng nghe và trao đổi phù hợp với người đối thoại. (QTE)</li> </ul>
MT54	Trẻ thích vẽ, viết các nét nguệch ngoạc; làm quen các nét cơ bản thông qua các hoạt động tạo hình ( Mục 3.3 T 68)	Làm quen, tập tô, đồ các nét xỏ, nét ngang, nét xiên trái, xiên phải, nét cong thông qua các hoạt động: Vẽ mưa, cây cỏ, vẽ hàng rào, tia nắng mặt trời, ...
<b>IV. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội</b>		
MT55	Nói được điều bé thích, không thích ( Mục 1.2 T 69)	<p>Những điều bé thích, không thích: <b>Thích chơi búp bê, thích mặc váy, thích múa; không thích chơi đã banh,...</b></p> <p><b>- Tự hào về những đặc điểm riêng và khả năng của bản thân**</b></p>
MT56	Trẻ cố gắng thực hiện được công việc đơn giản khi được giao; thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi, xếp cất đồ chơi, không tranh dành đồ chơi, vâng lời bố mẹ ( Mục 2.2 T 69 / 4.1 T 70)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành công việc khi được cô giao: Xếp đồ chơi, chia giấy vẽ cho bạn.</li> <li>- Tổ chức các hoạt động giao nhiệm vụ cho trẻ.</li> <li>Một số quy định ở lớp và ở gia đình ( để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) sau khi chơi biết cất xếp đồ chơi , không tranh dành đồ chơi, vâng lời bố mẹ làm những công việc vừa sức.</li> <li><b>- Ăn cơm xong biết tự lau miệng, lau tay</b></li> </ul>
MT57	Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi ( Mục 2.1 T 69)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia vào hoạt động, mạnh dạn trả lời câu hỏi</li> <li>- Mọi trẻ đều có thể mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến, bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. (QTE)</li> <li><b>- Phản ánh với mọi người xung quanh đúng sự việc xảy ra**</b></li> </ul>

MT58	<p>Nhận ra được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói qua tranh ảnh. Biết biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi, tức giận ( Mục 3.1; 3.2 T 69)</p>	<p>- Một số trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói: trò chơi, hát, vận động. Biết chỉ vào mặt cười, mặt buồn. Biểu lộ trạng thái cảm xúc ( vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động</p> <p>- Yêu thương bản thân; tự hào trân trọng về cơ thể của mình và của người khác. (QTE)</p>
MT59	<p>Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ; thích nghe kể chuyện nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ, <b>hát theo bài hát Quốc ca Việt Nam**</b> ( Mục 3.3; 3.4 T 70)</p>	<p>- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ. - Kính yêu Bác Hồ</p> <p>Thích thú khi nghe cô kể chuyện, đọc thơ, xem tranh Bác Hồ. Kính yêu Bác Hồ.</p> <p>- <b>Hát bài Quốc Ca Việt Nam</b> - <b>Đọc thuộc 5 điều Bác Hồ dạy</b></p>
MT60	<p>Biết chào hỏi và nói được lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở; sử dụng các từ: “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa”...trong giao tiếp. <b>Giữ lời hứa và thực hiện lời hứa với người khác**</b> ( Mục 2.8 T 68/ 4.2 T70)</p>	<p>Thể hiện cử chỉ, lời nói lễ phép, chờ đến lượt ( chào hỏi, cảm ơn) Biết phải nói gì khi được nhận quà. Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép; "Vâng" "dạ" "thưa" khi giao tiếp với cô và người lớn</p> <p>- <b>Nhận ra lỗi, biết nói lời xin lỗi và sửa lỗi**</b> - <b>Giữ lời hứa và thực hiện lời hứa với người khác**</b></p>
MT61	<p>Trẻ chú ý lắng nghe khi cô, bạn nói( Mục 4.3 T 70)</p>	<p>- Lắng nghe ý kiến người khác không nói leo, không cắt ngang lời người khác nói. - Chờ đến lượt <b>không chen lấn, xô đẩy, không dành trước người đang chờ đợi</b> - Học cách lắng nghe và tập bày tỏ ý kiến của bản thân trong cuộc trao đổi/ thảo luận với người khác. (QTE)</p>
MT62	<p>Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ ( Mục 4.4 T 70)</p>	<p>- Chơi hòa thuận với bạn, không tranh giành đồ chơi, biết chia sẻ đồ chơi. - Nhận biết hành vi: đúng- sai; tốt – xấu - Chơi vui vẻ với tất cả các bạn và người khác ( không kể giới tính, đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh, nguồn gốc xuất thân) - Cách thể hiện trách nhiệm của bản thân các hoạt động và cách làm việc trong nhóm. (QTE)</p>

MT63	Bỏ rác đúng nơi quy định ( Mục 5.2 T 71)	- Giữ gìn vệ sinh môi trường: bỏ rác đúng nơi quy định - Tổ chức các hoạt động tập thể: Nhặt rác ngoài sân, lau chùi đồ chơi...
MT64	Trẻ yêu thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây ( Mục 5.1 T 71)	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước. - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối. - Tổ chức các hoạt động chăm sóc cây, vườn rau , tưới cây, nhặt lá vàng.. - Tôn trọng con người, sự vật và học cách sinh sống một cách hài hòa, bảo vệ thiên nhiên xung quanh ( QTE )

MT65	Trẻ có kỹ năng về ATGT, văn hóa khi tham gia giao thông*	- Đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy - Kỹ năng khi ngồi, lên, xuống xe máy; xe đạp - Thoát hiểm khi bị bỏ quên trên xe ô tô; Thắc dây an toàn; Không làm ồn, không bỏ chân lên ghế* <b>- Kỹ năng an toàn khi tham gia giao thông đường thủy**</b>
MT66	Trẻ có kỹ năng thoát hiểm, <b>kỹ năng khi bị đi lạc đường, kỹ năng khi bị bắt nạt* ...</b>	- Kỹ năng thoát hiểm khi có hỏa hoạn; - Cách thoát ra ngoài khi bị khóa trái cửa trong nhà; Khi bị trói; bị người khác bắt nạt;...
MT67	Trẻ biết không cho người khác sờ, chạm vào các bộ phận nhạy cảm. Không nhận quà và đi theo người lạ*	Biết nói với ba, mẹ, người thân khi có ai đó là người khác giới có hành động sờ, chạm vào các bộ phận nhạy cảm; không đi theo, không nhận quà của người lạ; không ăn, uống thức ăn của người lạ cho khi chưa được phép của mẹ - ba* - Những hành động bảo vệ cơ thể của bản thân, của người khác (QTE)

## V.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

### 1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật

MT68	Trẻ vui sướng vỗ tay nói lên được cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng ( Mục 1.1 T 71)	Bộc lộ cảm xúc khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của sự vật hiện tượng, - Bộc lộ cảm xúc, thái độ chân thực trước cái đẹp và sản phẩm nghệ thuật. (QTE)
------	--	--

MT69	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện ( Mục 1.2 T 72)	Chú ý lắng nghe các bài hát, bản nhạc ( nhạc thiếu nhi, dân ca) thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy lắc lư theo bài hát, bản nhạc - Bộc lộ cảm xúc, thái độ chân thực trước cái đẹp và sản phẩm nghệ thuật. (QTE)
MT70	Trẻ thể hiện được sự vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên được cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật ( về màu sắc, hình dáng..) của sản phẩm tạo hình ( Mục 1.3 T 72)	Tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích. Biểu lộ sự vui sướng thích thú khi sờ ngắm, nhìn sản phẩm
MT71	Trẻ hát được, hát tự nhiên theo giai điệu bài hát quen thuộc, <b>Cảm nhận và hưởng ứng theo các giai điệu dân ca vùng miền**</b> ( Mục 2.1 T 72)	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát - <b>Các hoạt động nghệ thuật với nội dung dân ca, trò chơi dân gian, tăng tính kết nối văn hóa địa phương**</b>
MT72	Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc: vỗ tay theo phách, nhịp, vận động MH. Vận động được theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc ( Mục 2.2 T 72 và 3.1 T 73)	Tập trẻ sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp Tổ chức các hoạt động tập hát, vận động theo nhạc, sử dụng các dụng cụ gõ... Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc - <b>Thể hiện cảm xúc, ý tưởng của bản thân thông qua hát, vận động theo nhạc**</b>
MT73	Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích ( Mục 3.2 T 73)	Tạo ra các sản phẩm tạo hình đơn giản theo ý thích. -Biết cách sử dụng các phương tiện nghệ thuật và các công cụ khác nhau để thể hiện ý tưởng, cảm xúc của bản thân và giao tiếp với người khác và môi trường xung quanh(QTE) - <b>Tạo ra cái đẹp trong cuộc sống hằng ngày theo cách riêng (như cắm hoa, sắp đặt đồ vật**</b>
MT74	Trẻ sử dụng được các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo gợi ý( Mục 2.3 T 72)	Phối hợp các nguyên vật liệu và kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản - <b>Hoạt động sáng tạo tự do: tạo sản phẩm từ vật liệu tái chế, phối màu tranh theo cảm xúc **</b>
MT75	Biết nhận xét được các sản phẩm tạo hình ( Mục 2.8 T 73)	Nhận xét sản phẩm tạo hình theo màu sắc, hình dạng
MT76	Trẻ thực hiện các kỹ năng vẽ được các nét thẳng, xiên tạo thành bức tranh đơn giản( Mục 2.4 T 72)	Phối hợp các nét thẳng, nét xiên, ngang để tạo ra sản phẩm đơn giản

MT77	Trẻ biết sử dụng các kỹ năng lăn dọc, xoay tròn ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có một khối hoặc 2 khối( Mục 2.6 T 73)	Kỹ năng bóp đất, xoay tròn, ấn dẹt tạo thành sản phẩm
MT78	Trẻ biết xé theo dải, vụn để tạo thành sản phẩm ( Mục 2.5 T 72)	Sử dụng một số kỹ năng xé theo dải, xé vụn để tạo ra sản phẩm
MT79	Trẻ biết xếp chồng , xếp cạnh , xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản ( Mục 2.7 T 73)	Sử dụng một số kỹ năng xếp chồng cao <b>8 – 10 khối không đổ</b> , xếp cạnh xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.
MT80	Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình ( Mục 3.3 T 73)	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình - Sự tự do và sáng tạo của mỗi trẻ khi tham gia vào hoạt động thẩm mỹ được xuất phát từ sở thích và sáng kiến riêng của trẻ mà không bị ai cản trở hoặc can thiệp. <b>(QTE)</b>

**DUYỆT CỦA PHT**

**Người lập**

**Phạm Thị Linh Thảo**

**Lê Thị Trinh**

